

SỞ GDĐT TP.HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT ĐÀO SƠN TÂY
TỔ LÝ-CN



ĐỀ CƯƠNG

CÔNG NGHỆ

KHỐI 10



HỌ TÊN HS:.....

LỚP:.....

Năm học: 2024 - 2025

CHỦ ĐỀ 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ CÔNG NGHỆ

BÀI 1: CÔNG NGHỆ VÀ ĐỜI SỐNG

Câu 1: Khái niệm về nhà khoa học:

- A. Là người làm công tác nghiên cứu khoa học với các phương pháp nghiên cứu khác nhau trong các lĩnh vực, ngành nghề khác nhau, phục vụ cho mọi mặt đời sống của con người.
- B. Là hệ thống tri thức về mọi quy luật và sự vận động của vật chất, những quy luật của tự nhiên, xã hội, tư duy.
- C. Ba gồm các lĩnh vực Vật lí, Hóa học, Sinh học, Thiên văn học và Khoa học Trái Đất.
- D. Là việc ứng dụng các nguyên lí khoa học vào việc thiết kế, chế tạo, vận hành các máy móc, thiết bị, công trình, quy trình và hệ thống một cách hiệu quả và kinh tế nhất.

Câu 2: Khái niệm về khoa học:

- A. Là hệ thống tri thức về bản chất, quy luật tồn tại và phát triển của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy.
- B. Là ứng dụng các nguyên lí khoa học vào việc thiết kế, chế tạo, vận hành các máy móc, thiết bị, công trình, quy trình và hệ thống một cách hiệu quả và kinh tế nhất.
- C. Là các giải pháp để ứng dụng các phát minh khoa học vào mục đích thực tế, đặc biệt trong công nghiệp.
- D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 3: Người ta chia khoa học thành nhóm nào sau đây?

- A. Khoa học tự nhiên
- B. Khoa học xã hội
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 4: Khái niệm về kĩ thuật:

- A. Là hệ thống tri thức về bản chất, quy luật tồn tại và phát triển của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy.
- B. Là việc ứng dụng các nguyên lí khoa học vào việc thiết kế, chế tạo, vận hành các máy móc, thiết bị, công trình, quy trình và hệ thống một cách hiệu quả và kinh tế nhất.
- C. Là các giải pháp để ứng dụng các phát minh khoa học vào mục đích thực tế, đặc biệt trong công nghiệp
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 5: Khái niệm về công nghệ:

- A. Là hệ thống tri thức về bản chất, quy luật tồn tại và phát triển của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy.
- B. Là các giải pháp để ứng dụng các phát minh khoa học vào mục đích thực tế, đặc biệt trong công nghiệp
- C. Là ứng dụng các nguyên lí khoa học vào việc thiết kế, chế tạo, vận hành các máy móc, thiết bị, công trình, quy trình và hệ thống một cách hiệu quả và kinh tế nhất.
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 6: Công nghệ được chia làm mấy lĩnh vực?

- A. 1 B. 3 C. 4 D. 2

Câu 7: Những thành tựu của khoa học tự nhiên nhằm mục đích gì?

- A. Nâng cao hiểu biết của con người về sự vật, hiện tượng và các quy luật củ tự nhiên.
- B. Ứng dụng để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn, tạo dựng môi trường sống cho con người, định hìn cho sự phát triển của kinh tế, xã hội,...
- C. Cả A và B đều đúng.
- D. Cả A và B đều sai.

Câu 8: Công nghệ được chia theo lĩnh vực nào?

- A. Lĩnh vực khoa học B. Lĩnh vực kĩ thuật
- C. Cả A và B đều đúng D. Cả A và B đều sai

Câu 9: Công nghệ nào sau đây được phân loại theo lĩnh vực khoa học?

- A. Công nghệ hóa học B. Công nghệ cơ khí
- C. Công nghệ xây dựng D. Công nghệ điện

Câu 10: Công nghệ nào sau đây không thuộc lĩnh vực kĩ thuật?

- A. Công nghệ cơ khí B. Công nghệ xây dựng
- C. Công nghệ điện D. Công nghệ sinh học

Câu 11: Sự ra đời của kính hiển vi điện tử nhờ:

- A. Kiến thức vật lí B. Kiến thức khoa học về vật lí, quang học
- C. Quang học D. Đáp án khác

Câu 12: Có mấy căn cứ để phân loại công nghệ?

- A. 3 B. 2 C. 1 D. 4

Câu 13: Phân loại công nghệ dựa vào căn cứ nào sau đây?

- A. Theo lĩnh vực khoa học B. Theo lĩnh vực kĩ thuật
- C. Theo đối tượng áp dụng D. Cả 3 đáp án trên

Câu 14: Đâu là công nghệ mới:

- A. AI B. IoT
- C. Cả A và B đều đúng D. Đáp án khác

Câu 15: Ứng dụng của kính hiển vi điện tử nghiên cứu:

- A. Cấu trúc siêu nhỏ B. Gen
C. Vi rút D. Cả 3 đáp án trên

Câu 16: Công nghệ làm thay đổi:

- A. Môi trường B. Môi trường và khí hậu
C. Khí hậu D. Đáp án khác

Câu 17: Kỹ sư là người làm việc gì?

- A. Là người làm việc trong lĩnh vực kỹ thuật; có kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên, có tư duy thiết kế, năng lực giải quyết vấn đề một cách sáng tạo.
B. Là người làm công tác nghiên cứu khoa học với các phương pháp nghiên cứu khác nhau trong các lĩnh vực, ngành nghề khác nhau, phục vụ cho mọi mặt đời sống của con người.
C. Là người làm việc trong lĩnh vực công nghệ; có năng lực chuyên môn, sớm được tiếp cận với những công nghệ mới.
D. Cả 3 ý trên.

Câu 18: Theo lĩnh vực khoa học có công nghệ nào?

- A. Công nghệ hóa học B. Công nghệ sinh học
C. Công nghệ thông tin D. Cả 3 đáp án trên

Câu 19: Công nghệ điện mặt trời sử dụng

- A. Năng lượng mặt trời B. Năng lượng gió
C. Cả A và B đều đúng D. Cả A và B đều sai

Câu 20: Yếu tố xác định vai trò của công nghệ:

- A. Tự nhiên. B. Xã hội.
C. Con người. D. Cả 3 ý trên.

Câu 21: Công nghệ nào sau đây được phân loại theo lĩnh vực khoa học?

- A. Công nghệ thông tin B. Công nghệ vận tải
C. Công nghệ trồng cây trong nhà kính D. Cả 3 đáp án trên

Câu 22: Khoa học là hệ thống tri thức liên quan tới yếu tố nào?

- A. Tự nhiên B. Xã hội
C. Tư duy D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 23: Công nghệ nào sau đây được phân loại theo lĩnh vực kỹ thuật?

- A. Công nghệ thông tin B. Công nghệ vận tải
C. Công nghệ trồng cây trong nhà kính D. Cả 3 đáp án trên

Câu 24: Quan hệ giữa khoa học, kỹ thuật và công nghệ thể hiện ở đặc điểm nào?

- A. Khoa học là cơ sở của kỹ thuật.
B. Kỹ thuật tạo ra công nghệ mới, dựa trên công nghệ hiện có.
C. Công nghệ thúc đẩy khoa học.
D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 25: Công nghệ nào sau đây được phân loại theo đối tượng áp dụng?

- A. Công nghệ thông tin B. Công nghệ trồng cây trong nhà kính

C. Công nghệ vận tải

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 26: Theo đối tượng áp dụng có công nghệ nào sau đây?

A. Công nghệ ô tô

B. Công nghệ vật liệu

C. Công nghệ nano

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 27: Công nghệ điện gió sử dụng

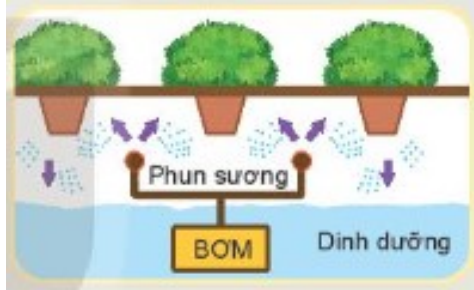
A. Năng lượng mặt trời

B. Năng lượng gió

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 28: Quan sát bức tranh và cho biết: Hình ảnh dưới đây mô tả trồng cây theo phương pháp gì?



A. Phương pháp địa canh.

B. Phương pháp thủy canh.

C. Phương pháp khí canh.

D. Cả 3 đáp án đều sai.

Câu 29: Đặc điểm của công nghệ trong mỗi giai đoạn lịch sử là gì?

A. Tính dẫn dắt

B. Tính định hình

C. Tính chi phối

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 30: Cho biết: Kỹ thuật là ứng dụng các nguyên lý khoa học vào quá trình nào của máy móc, thiết bị, công trình, quy trình và hệ thống một cách hiệu quả và kinh tế nhất.

A. Vào việc thiết kế

B. Chế tạo

C. Vận hành

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 31: Khoa học có mối quan hệ như thế nào đối với kỹ thuật?

A. Khoa học giúp kỹ thuật tiến bộ

B. Kỹ thuật tạo cơ sở cho khoa học phát triển

C. Khoa học tạo cơ sở cho sự phát triển của kỹ thuật

D. Khoa học và kỹ thuật không có sự tác động qua lại

Câu 32: Môn học nào không thuộc khoa học tự nhiên?

A. Địa lý

B. Vật lý

C. Toán

D. Sinh học

Câu 33: Khoa học tự nhiên nghiên cứu về điều gì?

A. các hiện tượng của thế giới tự nhiên

B. các quy luật của thế giới tự nhiên.

C. quy luật hình thành của tự nhiên

D. A và B đúng

Câu 34: Yếu tố nào sau đây thúc đẩy công nghệ phát triển?

- A. Cơ sở khoa học của xã hội và con người
- B. Nhu cầu của xã hội và con người
- C. Trình độ khoa học của xã hội và con người
- D. Đáp án khác

Câu 35: Người hiện đại có gì khác biệt với người nguyên thủy về tổ chức xã hội?

- A. Sống theo hộ gia đình, bình đẳng nam nữ
- B. Sống thành từng nhóm, định cư lâu dài ở một nơi
- C. Chế độ mẫu hệ
- D. Đáp án khác

Câu 36: Đây là tên các lĩnh vực kỹ thuật?

- A. Kỹ thuật cơ khí
- B. Kỹ thuật xây dựng
- C. Kỹ thuật hóa học
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 37: Đây là đặc điểm mối quan hệ giữa công nghệ với tự nhiên, con người và xã hội?

- A. Công nghệ ảnh hưởng tới tự nhiên như làm thay đổi môi trường, khí hậu...
- B. Tự nhiên cũng làm công nghệ phát triển khi sử dụng các công nghệ sạch, an toàn.
- C. Công nghệ giúp tạo ra các sản phẩm để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho con người và xã hội. Ngược lại, nhu cầu ngày càng tăng của con người và xã hội lại thúc đẩy công nghệ phát triển.
- D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 38: Sự khác biệt về đời sống vật chất của người nguyên thủy và người hiện đại là?

- A. Công cụ lao động và phương thức lao động
- B. Nhà ở
- C. A và B đúng
- D. A đúng, B sai

Câu 39: Môn học nào không thuộc khoa học xã hội?

- A. Văn
- B. Sinh học
- C. Giáo dục công dân
- D. Lịch sử

Câu 40: Đời sống tinh thần của người hiện đại khác với người nguyên thủy như thế nào?

- A. Biết làm đồ trang sức, vẽ trang trí, có tục chôn cất người chết.
- B. Chế tạo nhiều sản phẩm đồ gốm, xuất khẩu nước ngoài.
- C. Cả A và B đều đúng.
- D. A đúng B sai.

Câu 41: Nhà khoa học Albert Einstein phát minh định luật gì?

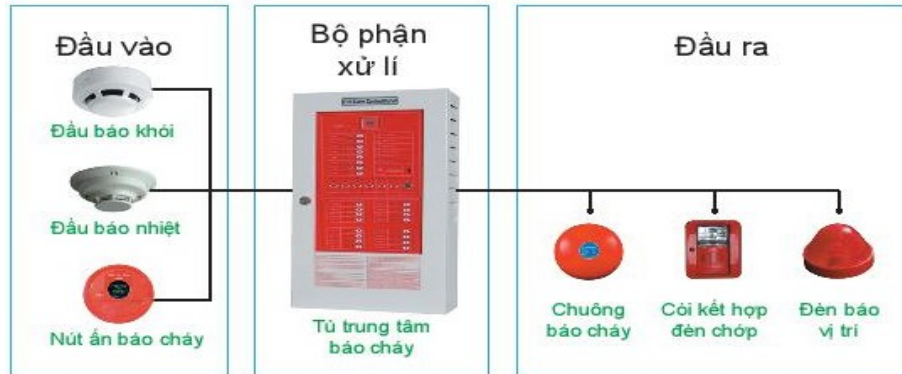
- A. Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học.
- B. Định luật bảo toàn vật chất và chuyển động.
- C. Thuyết tương đối.
- D. Thuyết nhiệt động học phân tử.

Câu 42: Nhà khoa học James Watt có phát minh nào?

- A. Lực hấp dẫn.
- B. Nguyên lý tiêm chủng, lên men vi sinh.
- C. Thuyết lượng tử.
- D. Động cơ hơi nước.

BÀI 2: HỆ THỐNG KỸ THUẬT

Em hãy quan sát hình và cho biết (câu 1, 2):



Câu 1: Bộ phận đầu vào của hệ thống kỹ thuật cảnh báo báo cháy gồm những gì?

- A. Đầu báo khói, đầu báo nhiệt, nút ấn báo cháy.
- B. Tủ trung tâm báo cháy.
- C. Chuông báo cháy, còi kết hợp đèn chớp, đèn báo vị trí.
- D. Cả 3 ý trên.

Câu 2: Để hệ thống cảnh báo cháy hoạt động có cần tất cả tín hiệu đầu vào hay không?

- A. Có.
- B. Không.
- C. Tùy từng trường hợp
- D. Tất cả đều đúng

Câu 3: Hệ thống kỹ thuật:

- A. Là hệ thống bao gồm các phần tử đầu vào, đầu ra và bộ phận xử lý trung tâm tách biệt với nhau.
- B. Là hệ thống tri thức về mọi quy luật và sự vận động của vật chất, những quy luật của tự nhiên, xã hội, tư duy.
- C. Là hệ thống bao gồm các phần tử đầu vào, đầu ra và bộ phận xử lý có liên hệ với nhau để thực hiện nhiệm vụ cụ thể.
- D. Gồm lĩnh vực Vật lý, Hóa học, Sinh học, Thiên văn học và Khoa học Trái Đất.

Câu 4: Phần tử xử lý và điều khiển:

- A. Là nơi tiếp nhận các thông tin của hệ thống kỹ thuật

B. Là nơi xử lý thông tin từ phần tử đầu vào và đưa ra tín hiệu điều khiển cho đầu ra.

C. Là các cơ cấu chấp hành, nhận tín hiệu điều khiển để thực hiện nhiệm vụ của hệ thống kỹ thuật.

D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 5: Liên kết cơ khí:

A. Dùng để truyền lực qua chất lỏng hoặc chất khí

B. Dùng để truyền năng lượng và thông tin

C. Dùng để lắp ghép, truyền chuyển động và lực

D. Có nhiều phương thức khác nhau như liên kết có dây, liên kết mạng, sóng,...

Câu 6: Phần tử đầu vào:

A. Là nơi tiếp nhận các thông tin của hệ thống kỹ thuật

B. Là nơi xử lý thông tin từ phần tử đầu vào và đưa ra tín hiệu điều khiển cho đầu ra.

C. Là các cơ cấu chấp hành, nhận tín hiệu điều khiển để thực hiện nhiệm vụ của hệ thống kỹ thuật.

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 7: Phần tử đầu ra:

A. Là nơi tiếp nhận các thông tin của hệ thống kỹ thuật

B. Là các cơ cấu chấp hành, nhận tín hiệu điều khiển để thực hiện nhiệm vụ của hệ thống kỹ thuật.

C. Là nơi xử lý thông tin từ phần tử đầu vào và đưa ra tín hiệu điều khiển cho đầu ra.

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 8: Hệ thống kỹ thuật là tập hợp phần tử nào sau đây?

A. Các chi tiết máy

B. Bộ phận máy

C. Thiết bị

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 9: Liên kết thủy lực, khí nén:

A. Dùng để truyền lực qua chất lỏng hoặc chất khí

B. Dùng để lắp ghép, truyền chuyển động và lực

C. Dùng để truyền năng lượng và thông tin

D. Có nhiều phương thức khác nhau như liên kết có dây, liên kết mạng, sóng,...

Câu 10: Cấu trúc của hệ thống kỹ thuật có phần tử cơ bản nào sau đây?

A. Phần tử đầu vào

B. Phần tử xử lý và điều khiển

C. Phần tử đầu ra

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 11: Liên kết điện, điện tử:

- A. Dùng để lắp ghép, truyền chuyển động và lực
- B. Dùng để truyền năng lượng và thông tin
- C. Dùng để truyền lực qua chất lỏng hoặc chất khí
- D. Có nhiều phương thức khác nhau như liên kết có dây, liên kết mạng. sóng,...

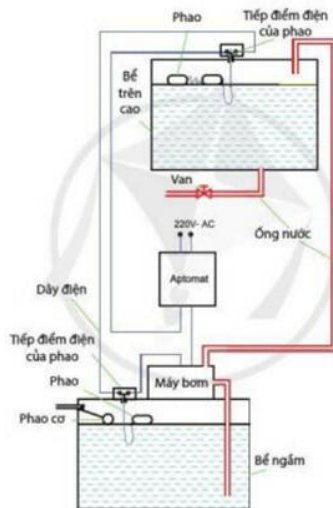
Câu 12: Phương thức của liên kết truyền thông tin:

- A. Liên kết bằng mạng Internet
- B. Liên kết có dây
- C. Cáp quang
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 13: Liên kết truyền thông tin:

- A. Có nhiều phương thức khác nhau như liên kết có dây, liên kết mạng. sóng,...
- B. Dùng để lắp ghép, truyền chuyển động và lực
- C. Dùng để truyền lực qua chất lỏng hoặc chất khí
- D. Dùng để truyền năng lượng và thông tin

Sử dụng hệ thống điều khiển cấp nước sau đây để trả lời câu hỏi 14, 15, 16



Câu 14: Em hãy cho biết đâu là phần tử đầu vào?

- A. Máy bơm
- B. Mạch điều khiển cung cấp điện để ngừng bơm khi cần thiết
- C. Thông tin về mực nước trong các bể, do phao điện cung cấp
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 15: Hãy cho biết đâu là phần tử xử lý và điều khiển?

- A. Máy bơm
- B. Mạch điều khiển cung cấp điện để ngừng bơm khi cần thiết
- C. Thông tin về mực nước trong các bể, do phao điện cung cấp
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 16: Hãy cho biết đâu là phần tử đầu ra?

- A. Máy bơm
- B. Mạch điều khiển cung cấp điện để ngừng bơm khi cần thiết

- C. Thông tin về mực nước trong các bể, do phao điện cung cấp
D. Cả 3 đáp án trên

Câu 17: Khái niệm hệ thống kỹ thuật?

- A. Có các phần tử đầu vào
B. Có các phần tử đầu ra
C. Là hệ thống gồm các phần tử đầu vào, đầu ra và bộ phận xử lý có liên hệ với nhau để thực hiện nhiệm vụ
D. Có bộ phận xử lý

Câu 18: Hệ thống kỹ thuật có loại nào sau đây?

- A. Mạch kín và mạch hở
B. Mạch kín
C. Mạch hở
D. Đáp án khác

Câu 19: Cấu trúc của hệ thống kỹ thuật có mấy phần chính?

- A. 3
B. 4
C. 5
D. 2

Câu 20: Đầu vào của bàn là là gì?

- A. Chuyển đổi điện năng thành nhiệt năng
B. Điện năng
C. Nhiệt năng
D. Cả 3 đáp án trên

Câu 21: Đầu vào của bàn là là gì?

- A. Chuyển đổi điện năng thành nhiệt năng
B. Điện năng
C. Nhiệt năng
D. Cả 3 đáp án trên

Câu 22: Đầu ra của hệ thống kỹ thuật có:

- A. Vật liệu
B. Năng lượng
C. Thông tin đã xử lý
D. Cả 3 đáp án trên

Câu 24: Hệ thống kỹ thuật được chia làm mấy loại?

- A. 1
B. 2
C. 3
D. 4

Câu 25: Đầu ra của máy tăng âm là:

- A. Micro
B. Bộ khuếch đại
C. Loa
D. Tất cả các đáp án trên

Câu 26: Đầu vào của hệ thống kỹ thuật có:

- A. Vật liệu
B. Năng lượng
C. Thông tin cần xử lý
D. Cả 3 đáp án trên

Câu 27: Bộ phận xử lý của bàn là là gì?

- A. Điện năng
B. Nhiệt năng
C. Cơ năng
D. Chuyển đổi điện năng thành nhiệt năng

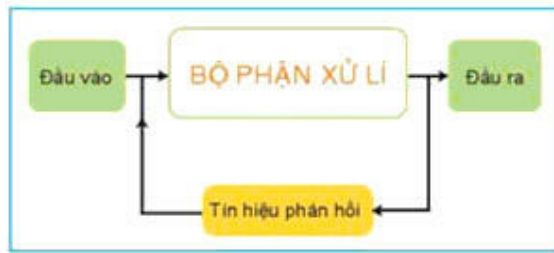
Câu 28: Cấu trúc hệ thống kỹ thuật mạch kín và mạch hở khác nhau ở điểm nào?

- A. Tín hiệu phản hồi
B. Đầu vào
C. Đầu ra
D. Bộ phận xử lý

Câu 29: Bộ phận xử lý của máy tăng âm là:

- A. Bộ khuếch đại
B. Micro
C. Loa
D. Cả 3 đáp án trên

Câu 30: Đây là cấu trúc hệ thống kỹ thuật mạch gì?



- A. Mạch kín
B. Mạch hở
C. Cả A và B đều đúng
D. Cả A và B đều sai
- Câu 31:** Đây là cấu trúc hệ thống kỹ thuật mạch gì?



- A. Mạch kín
B. Mạch hở
C. Cả A và B đều đúng
D. Cả A và B đều sai
- Câu 32:** Đầu ra của bàn là là gì?

- A. Điện năng
B. Nhiệt năng
C. Chuyển đổi điện năng thành nhiệt năng
D. Cả 3 đáp án trên

Câu 33: Cho biết: Hệ thống kỹ thuật là một tập hợp các phần tử nào?

- A. Các chi tiết máy
B. Các bộ phận máy
C. Các thiết bị
D. Cả 3 đáp án trên

Câu 34: Nơi xử lý thông tin của phần tử đầu vào là bộ phận nào?

- A. Phần tử xử lý và điều khiển.
B. Phần tử đầu vào.
C. Phần tử đầu ra.
D. Đáp án khác.

Câu 35: Phần tử đầu vào có chức năng gì?

- A. Là nơi tiếp nhận các thông tin của hệ thống kỹ thuật
B. Là các cơ cấu chấp hành thực hiện nhiệm vụ của hệ thống kỹ thuật.
C. Là nơi xử lý thông tin từ phần tử đầu vào và đưa ra tín hiệu điều khiển cho đầu ra.
D. Là các cơ cấu điều khiển để thực hiện nhiệm vụ của hệ thống kỹ thuật.

Câu 36: Xác định: Một hệ thống kỹ thuật phức tạp có thể được cấu tạo từ bao nhiêu hệ thống kỹ thuật con?

- A. 1
B. Nhiều
C. 3-5
D. B và C đúng

Câu 37: Chọn ý đúng: Hệ thống kỹ thuật là một tập hợp các phần tử có mối liên kết nào nhằm thực hiện một nhiệm vụ nhất định.

- A. Vật lý
B. Kỹ thuật
C. Hóa học
D. Khoa học

Câu 38: Thiết bị đầu vào của hệ thống báo cháy là

- A. Đầu báo khí carbon
B. Đầu báo khí gas
C. A và B đều đúng.
D. Đáp án khác.

Câu 39: Các liên kết thường gặp trong hệ thống kỹ thuật là:

- A. Liên kết cơ khí. B. Liên kết thủy lực, khí nén.
C. Liên kết điện, điện tử. D. Cả 3 phương án trên.

Câu 40: Bộ phân xử lý của máy xay sinh tố:

- A. Chuyển đổi cơ năng thành cơ năng.
B. Chuyển đổi điện năng thành nhiệt năng.
C. Chuyển đổi điện năng thành điện năng.
D. Chuyển đổi điện năng thành cơ năng.

BÀI 3: CÔNG NGHỆ PHỔ BIẾN

Câu 1: Gang được sản xuất từ:

- A. Quặng sắt bằng lò cao luyện gang
B. Gang bằng lò oxi
C. Gang bằng lò hồ quang
D. Cả B và C đều đúng

Câu 2: Bản chất của công nghệ đúc là:

- A. Bóc đi lớp vật liệu thừa trên phôi, tạo ra chi tiết có hình dạng và kích thước chính xác theo yêu cầu.
B. Kim loại nấu chảy dưới dạng lỏng được rót vào khuôn, sau khi nguội và kết tinh sẽ tạo thành vật đúc có hình dạng và kích thước của lòng khuôn.
C. Sử dụng ngoại lực tác dụng lên vật liệu kim loại có tính dẻo, làm cho nó biến dạng thành sản phẩm có hình dạng, kích thước theo yêu cầu.
D. Tạo mối liên kết cố định giữa các chi tiết kim loại bằng cách nung nóng chảy kim loại ở vùng tiếp xúc, sau khi nguội các chi tiết liên kết tạo thành một khối

Câu 3: Bản chất của công nghệ gia công cắt gọt là:

- A. Kim loại nấu chảy dưới dạng lỏng được rót vào khuôn, sau khi nguội và kết tinh sẽ tạo thành vật đúc có hình dạng và kích thước của lòng khuôn.
B. Bóc đi lớp vật liệu thừa trên phôi, tạo ra chi tiết có hình dạng và kích thước chính xác theo yêu cầu.
C. Sử dụng ngoại lực tác dụng lên vật liệu kim loại có tính dẻo, làm cho nó biến dạng thành sản phẩm có hình dạng, kích thước theo yêu cầu.
D. Tạo mối liên kết cố định giữa các chi tiết kim loại bằng cách nung nóng chảy kim loại ở vùng tiếp xúc, sau khi nguội các chi tiết liên kết tạo thành một khối

Câu 4: Bản chất của công nghệ gia công áp lực là:

- A. Kim loại nấu chảy dưới dạng lỏng được rót vào khuôn, sau khi nguội và kết tinh sẽ tạo thành vật đúc có hình dạng và kích thước của lòng khuôn.
B. Bóc đi lớp vật liệu thừa trên phôi, tạo ra chi tiết có hình dạng và kích thước chính xác theo yêu cầu.
C. Sử dụng ngoại lực tác dụng lên vật liệu kim loại có tính dẻo, làm cho nó biến dạng thành sản phẩm có hình dạng, kích thước theo yêu cầu.

D. Tạo mối liên kết cố định giữa các chi tiết kim loại bằng cách nung nóng chảy kim loại ở vùng tiếp xúc, sau khi nguội các chi tiết liên kết tạo thành một khối

Câu 5: Lí do đèn LED được sử dụng rộng rãi là:

- A. Tiết kiệm điện năng
- B. Hiệu quả chiếu sáng cao
- C. Tuổi thọ cao
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 6: Bản chất của công nghệ hàn là:

- A. Tạo mối liên kết cố định giữa các chi tiết kim loại bằng cách nung nóng chảy kim loại ở vùng tiếp xúc, sau khi nguội các chi tiết liên kết tạo thành một khối
- B. Sử dụng ngoại lực tác dụng lên vật liệu kim loại có tính dẻo, làm cho nó biến dạng thành sản phẩm có hình dạng, kích thước theo yêu cầu.
- C. Bóc đi lớp vật liệu thừa trên phôi, tạo ra chi tiết có hình dạng và kích thước chính xác theo yêu cầu.
- D. Kim loại nấu chảy dưới dạng lỏng được rót vào khuôn, sau khi nguội và kết tinh sẽ tạo thành vật đúc có hình dạng và kích thước của lòng khuôn.

Câu 7: Nhược điểm của đèn sợi đốt là:

- A. Tiêu thụ nhiều điện
- B. Hiệu quả chiếu sáng thấp
- C. Tuổi thọ thấp
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 8: Truyền thông không dây gồm mấy loại?

- A. 3
- B. 4
- C. 2
- D. 1

Câu 9: Công nghệ đầu tiên trong lĩnh vực điện – điện tử được đề cập đến là:

- A. Công nghệ điện – quang
- B. Công nghệ điện – cơ
- C. Công nghệ sản xuất điện năng
- D. Công nghệ điều khiển và tự động hóa

Câu 10: Công nghệ thứ tư trong lĩnh vực điện – điện tử được đề cập đến là:

- A. Công nghệ sản xuất điện năng
- B. Công nghệ điều khiển và tự động hóa
- C. Công nghệ điện – quang
- D. Công nghệ điện – cơ

Câu 11: Công nghệ luyện kim là gì?

- A. Là công nghệ chế tạo sản phẩm kim loại bằng phương pháp nấu kim loại thành trạng thái lỏng, sau đó rót vào khuôn có hình dạng và kích thước như sản phẩm.
- B. Là công nghệ điều chế kim loại, hợp kim để dùng trong cuộc sống từ các loại quặng hoặc từ các nguyên liệu khác.
- C. Là công nghệ thực hiện việc lấy đi một phần kim loại của phôi dưới dạng phoi nhờ các dụng cụ cắt và máy cắt kim loại để tạo ra chi tiết có hình dạng, kích thước theo yêu cầu.
- D. Là công nghệ dựa vào tính dẻo của kim loại, dùng ngoại lực của thiết bị làm cho kim loại biến dạng theo hình dáng yêu cầu

Câu 12: Công nghệ đúc là gì?

- A. Là công nghệ chế tạo sản phẩm kim loại bằng phương pháp nấu kim loại thành trạng thái lỏng, sau đó rót vào khuôn có hình dạng và kích thước như sản phẩm.

- B. Là công nghệ điều chế kim loại, hợp kim để dùng trong cuộc sống từ các loại quặng hoặc từ các nguyên liệu khác.
- C. Là công nghệ thực hiện việc lấy đi một phần kim loại của phôi dưới dạng phoi nhờ các dụng cụ cắt và máy cắt kim loại để tạo ra chi tiết có hình dạng, kích thước theo yêu cầu.
- D. Là công nghệ dựa vào tính dẻo của kim loại, dùng ngoại lực của thiết bị làm cho kim loại biến dạng theo hình dáng yêu cầu

Câu 13: Công nghệ gia công áp lực là gì?

- A. Là công nghệ dựa vào tính dẻo của kim loại, dùng ngoại lực của thiết bị làm cho kim loại biến dạng theo hình dáng yêu cầu
- B. Là công nghệ điều chế kim loại, hợp kim để dùng trong cuộc sống từ các loại quặng hoặc từ các nguyên liệu khác.
- C. Là công nghệ chế tạo sản phẩm kim loại bằng phương pháp nấu kim loại thành trạng thái lỏng, sau đó rót vào khuôn có hình dạng và kích thước như sản phẩm.
- D. Là công nghệ thực hiện việc lấy đi một phần kim loại của phôi dưới dạng phoi nhờ các dụng cụ cắt và máy cắt kim loại để tạo ra chi tiết có hình dạng, kích thước theo yêu cầu.

Câu 14: Truyền thông không dây có loại nào sau đây?

- A. Công nghệ wifi
- B. Công nghệ bluetooth
- C. Công nghệ mạng di động
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 15: Công nghệ gia công cắt gọt là gì?

- A. Là công nghệ điều chế kim loại, hợp kim để dùng trong cuộc sống từ các loại quặng hoặc từ các nguyên liệu khác.
- B. Là công nghệ chế tạo sản phẩm kim loại bằng phương pháp nấu kim loại thành trạng thái lỏng, sau đó rót vào khuôn có hình dạng và kích thước như sản phẩm.
- C. Là công nghệ thực hiện việc lấy đi một phần kim loại của phôi dưới dạng phoi nhờ các dụng cụ cắt và máy cắt kim loại để tạo ra chi tiết có hình dạng, kích thước theo yêu cầu.
- D. Là công nghệ dựa vào tính dẻo của kim loại, dùng ngoại lực của thiết bị làm cho kim loại biến dạng theo hình dáng yêu cầu

Câu 16: Ngành công nghệ nào biến đổi điện năng thành cơ năng dựa trên nguyên lý cảm ứng điện từ?

- A. Công nghệ điện – điện tử
- B. Công nghệ điện – cơ
- C. Công nghệ điều khiển và tự động hóa
- D. Công nghệ điện – quang

Câu 17: Sản phẩm nào dưới đây được làm bằng gang thép

- A. Mũi lưỡi trai
- B. Nồi, chảo
- C. Bút chì
- D. Thước nhựa

BÀI 4: MỘT SỐ CÔNG NGHỆ MỚI

Câu 1: Công nghệ nano là:

- A. Công nghệ sử dụng phần mềm CAD để thiết kế chi tiết sau đó chuyển mô hình thiết kế đến phần mềm CAM để lập quy trình công nghệ gia công chi tiết, sau đó sử dụng máy điều khiển số CNC.
- B. Công nghệ phân tách mô hình 3D thành các lớp 2D xếp chồng lên nhau
- C. Công nghệ sản xuất năng lượng trên cơ sở chuyển hóa từ các nguồn năng lượng liên tục, vô hạn, ít tác động tiêu cực đến môi trường.
- D. Công nghệ phân tích, chế tạo và ứng dụng các vật liệu có cấu trúc nano

Câu 2: Công nghệ kết nối, thu thập và trao đổi dữ liệu với nhau giữa các máy tính, máy móc, thiết bị kỹ thuật số và cả con người thông qua môi trường internet. Đó là công nghệ gì?

- A. Công nghệ Internet vạn vật
- B. Công nghệ trí tuệ nhân tạo
- C. Công nghệ Robot thông minh
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 3: Công nghệ CAD/CAM/CNC là:

- A. Công nghệ phân tích, chế tạo và ứng dụng các vật liệu có cấu trúc nano
- B. Công nghệ phân tách mô hình 3D thành các lớp 2D xếp chồng lên nhau
- C. Công nghệ sử dụng phần mềm CAD để thiết kế chi tiết sau đó chuyển mô hình thiết kế đến phần mềm CAM để lập quy trình công nghệ gia công chi tiết, sau đó sử dụng máy điều khiển số CNC.
- D. Công nghệ sản xuất năng lượng trên cơ sở chuyển hóa từ các nguồn năng lượng liên tục, vô hạn, ít tác động tiêu cực đến môi trường.

Câu 4: Công nghệ in 3D là:

- A. Công nghệ phân tách mô hình 3D thành các lớp 2D xếp chồng lên nhau
- B. Công nghệ phân tích, chế tạo và ứng dụng các vật liệu có cấu trúc nano
- C. Công nghệ sử dụng phần mềm CAD để thiết kế chi tiết sau đó chuyển mô hình thiết kế đến phần mềm CAM để lập quy trình công nghệ gia công chi tiết, sau đó sử dụng máy điều khiển số CNC.
- D. Công nghệ sản xuất năng lượng trên cơ sở chuyển hóa từ các nguồn năng lượng liên tục, vô hạn, ít tác động tiêu cực đến môi trường.

Câu 5: Công nghệ năng lượng tái tạo là:

- A. Công nghệ phân tích, chế tạo và ứng dụng các vật liệu có cấu trúc nano
- B. Công nghệ sử dụng phần mềm CAD để thiết kế chi tiết sau đó chuyển mô hình thiết kế đến phần mềm CAM để lập quy trình công nghệ gia công chi tiết, sau đó sử dụng máy điều khiển số CNC.

- C. Công nghệ phân tách mô hình 3D thành các lớp 2D xếp chồng lên nhau
- D. Công nghệ sản xuất năng lượng trên cơ sở chuyển hóa từ các nguồn năng lượng liên tục, vô hạn, ít tác động tiêu cực đến môi trường.

Câu 6: Công nghệ mô phỏng các hoạt động trí tuệ của con người bằng máy móc, đặc biệt là các hệ thống máy tính. Đó là công nghệ gì?

- A. Công nghệ Internet vạn vật
- B. Công nghệ trí tuệ nhân tạo
- C. Công nghệ Robot thông minh
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 7: CAM trong công nghệ CAD/ CAM – CNC là gì ?

- A. Thiết kế có sự trợ giúp của máy tính
- B. Điều khiển số bằng máy tính.
- C. Sản xuất có trợ giúp của máy tính
- D. Điều khiển số

Câu 8: Công nghệ nào sau đây không phải là công nghệ mới

- A. Công nghệ lắp đặt điện tử- điện dân dụng
- B. Công nghệ vật liệu nano
- C. Công nghệ in 3D
- D. Công nghệ năng lượng tái tạo

Câu 9: Công nghệ CAD/ CAM - CNC được ứng dụng ở đâu ?

- A. Lập trình
- B. Sản xuất cơ khí
- C. May mặc
- D. Đáp án khác

Câu 10: Ưu điểm của công nghệ in 3D so với các công nghệ chế tạo truyền thống khác là gì?

- A. Tạo ra được sản phẩm không bị rỗng bên trong
- B. Tạo ra được các sản phẩm có cấu tạo phức tạp
- C. Không có gì khác biệt
- D. Đáp án khác

Câu 11: Trong các công nghệ mới, theo em công nghệ nào có tầm quan trọng đối với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

- A. Công nghệ điện tử
- B. Công nghệ CAD/ CAM - CNC
- C. Công nghệ năng lượng tái tạo
- D. Công nghệ in 3D

Câu 12: Ưu điểm của công nghệ CAD/ CAM – CNC là gì?

- A. Rút ngắn thời gian từ thiết kế đến chế tạo sản phẩm
- B. đáp ứng nhanh yêu cầu của thị trường, năng suất cao
- C. độ chính xác gia công cao, thuận lợi cho việc tự động hóa sản xuất.
- D. Tất cả đáp án trên

Câu 13: Có thể ứng dụng công nghệ in 3D trong những lĩnh vực nào?

- A. cơ khí
- B. xây dựng
- C. y học
- D. Tất cả các lĩnh vực trên

Câu 14: Em hãy nêu bản chất của công nghệ năng lượng tái tạo

- A. Điện năng biến đổi thành nhiệt năng
- B. Điện năng biến đổi thành cơ năng

C. Nhiệt năng biến đổi thành điện năng

D. Cơ năng biến đổi thành điện năng

Câu 15: Robot thông minh được ứng dụng ở trong những lĩnh vực nào ?

A. Sản xuất

B. Tiếp thị

C. Dịch vụ

D. Cả 3 phương án trên

Câu 16: Ứng dụng của công nghệ Internet vạn vật có thể áp dụng ở các lĩnh vực nào?

A. công nghiệp

B. y tế

C. tài chính

D. Cả 3 ý trên

Câu 17: Ưu điểm của công nghệ năng lượng tái tạo là gì ?

A. Ứng dụng được trong nhiều lĩnh vực

B. giảm ô nhiễm, tiết kiệm chi phí sinh hoạt

C. Nguồn năng lượng tạo ra là rất lớn

D. Tất cả các đáp án trên

Câu 18: Công nghệ IoT có thể kết nối bằng loại kết nối nào?

A. Kết nối không dây hoặc có dây

B. Kết nối có dây

C. kết nối không dây

D. Không thể kết nối

Câu 19: CAD trong công nghệ CAD/CAM–CNC nghĩa là gì?

A. Sản xuất có trợ giúp của máy tính.

B. Thiết kế có sự trợ giúp của máy tính.

C. Điều khiển số.

D. Điều khiển số bằng máy tính.

Câu 20: Ngành công nghệ nào tạo ra các vật liệu mới từ các hạt có kích thước hạt rất nhỏ?

A. Công nghệ vật liệu Nano

B. Công nghệ trí tuệ nhân tạo

C. Công nghệ internet vạn vật

D. Công nghệ CAD/ CAM- CNC

TUẦN 8-TIẾT 15

Ngày học:/...../.....

CHƯƠNG MỘT

ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I

BÀI 6: CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP

Câu 1: Đặc trưng cho cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất là:

- A. Năng lượng điện và sản xuất hàng loạt
- B. Công nghệ thông tin và tự động hóa
- C. Động cơ hơi nước và cơ giới hóa
- D. Công nghệ số và trí tuệ nhân tạo

Câu 2: Đặc trưng cho cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai là:

- A. Năng lượng điện và sản xuất hàng loạt
- B. Động cơ hơi nước và cơ giới hóa
- C. Công nghệ thông tin và tự động hóa
- D. Công nghệ số và trí tuệ nhân tạo

Câu 3: Đặc trưng cho cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba là:

- A. Động cơ hơi nước và cơ giới hóa
- B. Công nghệ thông tin và tự động hóa
- C. Năng lượng điện và sản xuất hàng loạt
- D. Công nghệ số và trí tuệ nhân tạo

Câu 4: Đặc trưng cho cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là:

- A. Công nghệ thông tin và tự động hóa
- B. Công nghệ số và trí tuệ nhân tạo
- C. Động cơ hơi nước và cơ giới hóa
- D. Năng lượng điện và sản xuất hàng loạt

Câu 5: Lịch sử loài người đã trải qua mấy cuộc cách mạng công nghệ?

- A. 4
- B. 3
- C. 2
- D. 1

Câu 6: Nội dung của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất là:

- A. Cuộc cách mạng về sản xuất thông minh dựa trên những thành tựu trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, ... với nền tảng là sự đột phá của công nghệ số.
- B. Sự xuất hiện của máy tính, công nghệ thông tin và mạng truyền thông Internet
- C. Sự thay đổi từ sản xuất đơn lẻ sang sản xuất hàng loạt bằng máy móc chạy bằng năng lượng điện.
- D. Gắn liền với ứng dụng các thành tựu khoa học, kĩ thuật vào sản xuất và đời sống.

Câu 7: Nội dung của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai là:

- A. Sự thay đổi từ sản xuất đơn lẻ sang sản xuất hàng loạt bằng máy móc chạy bằng năng lượng điện.
- B. Gắn liền với ứng dụng các thành tựu khoa học, kĩ thuật vào sản xuất và đời sống.
- C. Sự xuất hiện của máy tính, công nghệ thông tin và mạng truyền thông Internet.

D. Cuộc cách mạng về sản xuất thông minh dựa trên những thành tựu trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, ... với nền tảng là sự đột phá của công nghệ số.

Câu 8: Nội dung của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là:

A. Cuộc cách mạng về sản xuất thông minh dựa trên những thành tựu trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học,... với nền tảng là sự đột phá của công nghệ số.

B. Gắn liền với ứng dụng các thành tựu khoa học, kĩ thuật vào sản xuất và đời sống.

C. Sự thay đổi từ sản xuất đơn lẻ sang sản xuất hàng loạt bằng máy móc chạy bằng năng lượng điện.

D. Sự xuất hiện của máy tính, công nghệ thông tin và mạng truyền thông Internet

Câu 9: Nội dung của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba là:

A. Gắn liền với ứng dụng các thành tựu khoa học, kĩ thuật vào sản xuất và đời sống.

B. Sự xuất hiện của máy tính, công nghệ thông tin và mạng truyền thông Internet

C. Sự thay đổi từ sản xuất đơn lẻ sang sản xuất hàng loạt bằng máy móc chạy bằng năng lượng điện.

D. Cuộc cách mạng về sản xuất thông minh dựa trên những thành tựu trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học,... với nền tảng là sự đột phá của công nghệ số.

Câu 10: Vai trò của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất?

A. Làm tăng năng suất lao động

B. Làm tăng sản lượng hàng hóa

C. Thúc đẩy sự phát triển các ngành công nghiệp

D. Cả 3 đáp án trên

BÀI 7: NGÀNH NGHỀ KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ

Câu 1: Khái niệm ngành nghề kỹ thuật, công nghệ:

- A. Là ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.
- B. Là ngành nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp.
- C. Là ngành nghề thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học.
- D. Cả 3 ý trên.

Câu 2: Vai trò của ngành nghề kỹ thuật, công nghệ:

- A. Trực tiếp tạo ra của cải, phát triển kinh tế.
- B. Tạo ra các dịch vụ phục vụ, nâng cao chất lượng cuộc sống.
- C. Phục vụ nghiên cứu, liên tục cải tiến sản phẩm, đem lại cho con người một cuộc sống ngày càng văn minh, hiện đại.
- D. Cả 3 ý trên.

Câu 3: Hiện nay, người lao động được đào tạo có sự thay đổi về mặt nào?

- A. Tăng về số lượng và chất lượng
- B. Tăng về số lượng
- C. Tăng về chất lượng
- D. Không có sự thay đổi

Câu 4: Hiện nay, trình độ lao động của nước ta đáp ứng nhu cầu:

- A. Lao động trong nước
- B. Xuất khẩu lao động
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 5: Nhu cầu lao động trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ hiện nay ra sao?

- A. Ổn định
- B. Ngày càng lớn
- C. Ngày càng giảm
- D. Không xác định

Câu 6: Điều gì làm thị trường lao động thay đổi?

- A. Quá trình công nghiệp hóa
- B. Quá trình hiện đại hóa
- C. Quá trình hội nhập quốc tế
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 7: Đối với vị trí công nhân kỹ thuật, cần đảm bảo yêu cầu nào sau đây?

- A. Có kỹ năng thực hành nghề vững vàng
- B. Có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

Câu 8: Căn cứ đầu tiên để lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ là:

- A. Xem xét triển vọng nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.
- B. Xem xét các yêu cầu của thị trường lao động.
- C. Xem xét khả năng và kết quả học tập ở các môn.
- D. Xác định vị trí việc làm trong tương lai phù hợp với khả năng.

Câu 9: Phân loại một số ngành nghề kỹ thuật, công nghệ:

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 10: Khái niệm nghề thuộc ngành cơ khí:

- A. Là nhóm ngành đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý của toán học và khoa học.
- B. Thiết kế, phát triển và đánh giá vận hành các hệ thống thiết bị cơ khí.
- C. Được sử dụng trong các hệ thống chế tạo và lắp ráp chuyên dụng.
- D. Cả 3 ý trên.

Câu 11: Khái niệm nghề thuộc ngành điện, điện tử và viễn thông:

- A. Là nhóm ngành đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý của toán học và khoa học để thiết kế, phát triển và đánh giá vận hành hệ thống điện, điện tử và viễn thông.
- B. Là nhóm ngành đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý của toán học và khoa học để thiết kế, phát triển và đánh giá vận hành các hệ thống thiết bị cơ khí.
- C. Sử dụng trong các hệ thống chế tạo và lắp ráp chuyên dụng.
- D. Cả 3 ý trên.

Câu 12: Người lao động thuộc ngành cơ khí là:

- A. Người trực tiếp tham gia thiết kế, lắp ráp, phân tích, đánh giá, vận hành, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng, đề xuất sáng kiến, ý tưởng giải pháp cải tiến công nghệ, trang thiết bị máy móc,... thuộc cơ khí.
- B. Người có khả năng thiết kế, xây dựng, vận hành, sử dụng, bảo trì hệ thống điện, điện tử và thiết bị viễn thông.
- C. Họ có thể tiếp cận, khai thác các sản phẩm, giải pháp kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực điện, điện tử và viễn thông.
- D. Cả 3 ý trên.

Câu 13: Người lao động thuộc ngành điện, điện tử và viễn thông là:

- A. Người có khả năng thiết kế, xây dựng, vận hành, sử dụng, bảo trì hệ thống điện, điện tử và thiết bị viễn thông.
- B. Họ có thể tiếp cận, khai thác các sản phẩm, giải pháp kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực điện, điện tử và viễn thông.
- C. Cả A và B đều đúng.
- D. Cả A và B đều sai.

Câu 14: Khi lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật công nghệ, cần xem xét yêu cầu của thị trường lao động về mặt nào?

- A. Vị trí việc làm
- B. Chuyên ngành đào tạo
- C. Kỹ năng nghề nghiệp
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 15: Xác định yêu cầu cần đáp ứng đối với vị trí việc làm kỹ sư?

- A. Sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng trong thiết kế và sản xuất.
- B. Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm
- C. Làm việc tích cực, năng động, sáng tạo
- D. Cả 3 đáp án trên

CHƯƠNG 2: VẼ KỸ THUẬT

BÀI 8: BẢN VẼ KỸ THUẬT VÀ TIÊU CHUẨN TRÌNH BÀY BẢN VẼ KỸ THUẬT

Câu 1: Khái niệm bản vẽ kỹ thuật:

- A. Là tài liệu kỹ thuật được trình bày dưới dạng hình vẽ, diễn tả hình dạng, kết cấu, các thông tin về kích thước, vật liệu, yêu cầu kỹ thuật, ... của sản phẩm.
- B. Là ngành nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp.
- C. Là tài liệu cần thiết khi bảo dưỡng, sửa chữa sản phẩm.
- D. Cả 3 ý trên.

Câu 2: Bản vẽ kỹ thuật được dùng ở nhiều lĩnh vực:

- A. Cơ khí.
- B. Xây dựng.
- C. Kiến trúc.
- D. Cả 3 ý trên.

Câu 3: Vai trò của bản vẽ kỹ thuật được thể hiện trong:

- A. Sản xuất.
- B. Đời sống.
- C. Cả A và B.
- D. Đáp án khác.

Câu 4: Trong sản xuất, bản vẽ kỹ thuật là phương tiện thông tin có vai trò:

- A. Thể hiện ý tưởng của nhà thiết kế.
- B. Là tài liệu kỹ thuật để tiến hành chế tạo, thi công.
- C. Là cơ sở để kiểm tra, đánh giá sản phẩm.
- D. Cả 3 ý trên.

Câu 5: Bản vẽ kỹ thuật phải được theo các quy tắc thống nhất quy định trong:

- A. Các tiêu chuẩn về bản vẽ của quốc gia hoặc quốc tế.
- B. Hợp đồng giữa người mua và bán.
- C. Cả A và B.
- D. Đáp án khác.

Câu 6: Kí hiệu của tiêu chuẩn quốc tế:

- A. TCVN.
- B. ISO.
- C. TCQT.
- D. Không có kí hiệu cụ thể.

Câu 7: Mỗi bản vẽ đều có:

- A. Khung vẽ.
- B. Khung tên.
- C. Cả A và B.
- D. Đáp án khác.

Câu 8: Nội dung và vị trí đặt của khung tên:

- A. Ghi các nội dung về quản lý bản vẽ, đặt ở góc phải phía dưới bản vẽ.
- B. Ghi các nội dung về quản lý bản vẽ, đặt ở góc trái phía dưới bản vẽ.
- C. Ghi các nội dung về quản lý bản vẽ, đặt ở vị trí tùy ý.
- D. Đáp án khác.

Câu 9: Khái niệm tỉ lệ của bản vẽ kỹ thuật:

- A. Là tỉ số giữa kích thước dài đo trên bản vẽ vật thể và kích thước thực tế trên vật thể đó.
- B. Là tỉ số kích thước dài đo trên bản vẽ vật thể.
- C. Là tỉ số kích thước thực tế trên vật thể đó.

D. Không quy định cụ thể.

Câu 10: Các tỉ lệ của bản vẽ kỹ thuật bao gồm:

A. Nguyên hình. B. Thu nhỏ. C. Phóng to. D. Cả 3 ý trên.

Câu 11: Chữ viết trên bản vẽ kỹ thuật thể hiện qua:

A. Khổ chữ. B. Kiểu chữ. C. Cả A và B. D. Đáp án khác.

Câu 12: Đơn vị đo kích thước dài và sai lệch giới hạn:

A. Milimet. B. Deximet. C. Mét. D. Centimet.

Câu 13: Có mấy loại khổ giấy chính?

A. 3. B. 4. C. 5. D. 6.

Câu 14: Khổ giấy chính là khổ giấy nào?

A. A0. B. A1. C. A2. D. A3.

Câu 15: Kích thước trên bản vẽ là:

A. Kích thước thực. B. Không phụ thuộc tỉ lệ.

C. Cả A và B. D. Đáp án khác.

Câu 16: Nét liền đậm thể hiện:

A. Đường bao thấy, cạnh thấy.

B. Đường kích thước.

C. Đường gióng.

D. Đường gạch trên mặt cắt.

Câu 17: Nét đứt mảnh thể hiện:

A. Đường giới hạn hình.

B. Đường bao khuất, cạnh khuất.

C. Đường tâm, đường trục.

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 18: Nét lượn sóng thể hiện:

A. Đường bao khuất, cạnh khuất.

B. Đường tâm, đường trục.

C. Đường giới hạn hình.

D. Đường gióng.

Câu 19: Khổ chữ được xác định bằng:

A. Chiều cao (h) của chữ hoa tính bằng mm.

B. Chiều rộng (d) của nét vẽ.

C. Cả A và B.

D. Đáp án khác

Câu 20: Quy định về đường gióng:

A. Vẽ bằng nét liền mảnh.

B. Vượt quá đường kích thước từ 2 mm đến 4 mm.

C. Đường gióng thường vuông góc với đường kích thước.

D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 21: Có mấy loại kiểu chữ?

A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 22: Chiều rộng của nét chữ kí hiệu là:

A. h. B. d. C. R. D. r.

Câu 23: Quy định về đường kích thước:

A. Vẽ bằng nét liền mảnh.

- B. Thường song song với kích thước được ghi.
- C. Ở đầu mút đường kích thước thường có vẽ mũi tên.
- D. Cả 3 đáp án trên

CHƯƠNG 2: VẼ KỸ THUẬT

BÀI 9: HÌNH CHIẾU VUÔNG GÓC

Câu 1: Khái niệm phương pháp hình chiếu vuông góc:

- A. Là tài liệu kỹ thuật được trình bày dưới dạng hình vẽ, diễn tả hình dạng, kết cấu, các thông tin về kích thước, vật liệu, yêu cầu kỹ thuật,... của sản phẩm.
- B. Là phương pháp biểu diễn các hình chiếu vuông góc trên cùng một mặt phẳng (bản vẽ).
- C. Là tài liệu cần thiết khi bảo dưỡng, sửa chữa sản phẩm.
- D. Cả 3 ý trên.

Câu 2: Hình chiếu vuông góc thể hiện:

- A. Đầy đủ hình dạng của vật thể.
- B. Trên bản vẽ kỹ thuật thường phải sử dụng nhiều hình chiếu.
- C. Cả A và B.
- D. Đáp án khác.

Câu 3: Có bao nhiêu phương pháp chiếu?

- A. 2.
- B. 3.
- C. 4.
- D. 5.

Câu 4: Phương pháp chiếu bao gồm:

- A. Phương pháp góc chiếu thứ nhất.
- B. Phương pháp góc chiếu thứ ba.
- C. Cả A và B.
- D. Đáp án khác.

Câu 5: Việt Nam thường sử dụng phương pháp góc chiếu nào?

- A. Phương pháp góc chiếu thứ nhất.
- B. Phương pháp góc chiếu thứ ba.
- C. Cả A và B.
- D. Đáp án khác.

Câu 6: Quy định trên bản vẽ hình chiếu vuông góc:

- A. Số lượng các hình chiếu phải đủ để thể hiện hình dạng của vật thể.
- B. Đường bao khuất, cạnh khuất vẽ bằng nét đứt mảnh.
- C. Vẽ đường trục cho các vật thể đối xứng, vẽ đường tâm cho đường tròn bằng nét gạch dài-chấm-mảnh.
- D. Cả 3 ý trên.

Câu 7: Vẽ hình chiếu vuông góc gồm mấy bước?

- A. 3.
- B. 4.
- C. 5.
- D. 6.

Câu 8: Bước 1 của vẽ hình chiếu là:

- A. Phân tích vật thể thành các hình đơn giản và chọn các hướng chiếu.
- B. Vẽ ba hình chiếu của hình hộp chữ nhật bao ngoài vật thể bằng nét liền mảnh.
- C. Vẽ các bộ phận của vật thể bằng nét liền mảnh.
- D. Hoàn thiện các nét vẽ theo đúng tiêu chuẩn. Ghi kích thước của bản vẽ.

Câu 9: Bước 2 của vẽ hình chiếu là:

- A. Vẽ các bộ phận của vật thể bằng nét liền mảnh.
- B. Phân tích vật thể thành các hình đơn giản và chọn các hướng chiếu.
- C. Hoàn thiện các nét vẽ theo đúng tiêu chuẩn. Ghi kích thước của bản vẽ.
- D. Vẽ ba hình chiếu của hình hộp chữ nhật bao ngoài vật thể bằng nét liền mảnh.

Câu 10: Bước 3 của vẽ hình chiếu là:

- A. Vẽ ba hình chiếu của hình hộp chữ nhật bao ngoài vật thể bằng nét liền mảnh.
- B. Phân tích vật thể thành các hình đơn giản và chọn các hướng chiếu.
- C. Vẽ các bộ phận của vật thể bằng nét liền mảnh.
- D. Hoàn thiện các nét vẽ theo đúng tiêu chuẩn. Ghi kích thước của bản vẽ.

Câu 11: Bước 4 của vẽ hình chiếu là:

- A. Vẽ ba hình chiếu của hình hộp chữ nhật bao ngoài vật thể bằng nét liền mảnh.
- B. Phân tích vật thể thành các hình đơn giản và chọn các hướng chiếu.
- C. Vẽ các bộ phận của vật thể bằng nét liền mảnh.
- D. Hoàn thiện các nét vẽ theo đúng tiêu chuẩn. Ghi kích thước của bản vẽ.

Câu 12: Các kích thước của vật thể được ghi trên hình biểu diễn cần đảm bảo:

- A. Dễ nhìn nhất.
- B. Không gây nhầm lẫn.
- C. Tránh ghi tập trung trên một hoặc hai hình biểu diễn.
- D. Cả 3 ý trên.

Câu 13: Trong phương pháp góc chiếu thứ nhất, ta phải xoay mặt phẳng hình chiếu bằng xuống dưới một góc bao nhiêu độ?

- A. 90° .
- B. 40° .
- C. 30° .
- D. 60° .

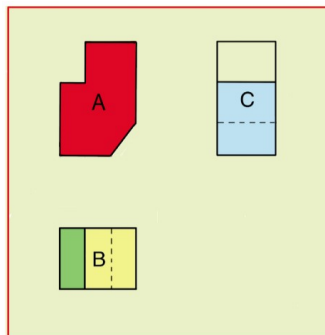
Câu 14: Một số nước châu Mỹ và Nhật Bản sử dụng phương pháp chiếu:

- A. Phương pháp góc chiếu thứ nhất.
- B. Phương pháp góc chiếu thứ ba.
- C. Cả A và B.
- D. Không quy định cụ thể.

Câu 15: Phương pháp góc chiếu nào được sử dụng phổ biến hơn?

- A. Phương pháp góc chiếu thứ nhất.
- B. Phương pháp góc chiếu thứ ba.
- C. Linh động giữa 2 phương pháp.
- D. Không có phương pháp nào.

Em hãy quan sát hình vẽ và cho biết (câu 1 - 3):



Câu 16: Hình chiếu A được gọi là gì?

- A. Hình chiếu đứng.
- B. Hình chiếu bằng.

C. Hình chiếu cạnh. D. Đáp án khác.

Câu 17: Hình chiếu B được gọi là gì?

A. Hình chiếu cạnh. B. Hình chiếu đứng.
C. Hình chiếu bằng D. Đáp án khác.

Câu 18: Hình chiếu C được gọi là gì?

A. Hình chiếu đứng. B. Hình chiếu cạnh.
C. Hình chiếu bằng. D. Đáp án khác.

Câu 19: Hình chiếu từ trước gọi là hình chiếu gì?

A. Hình chiếu đứng. B. Hình chiếu bằng.
C. Hình chiếu cạnh. D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 20: Hình chiếu từ trên được gọi là:

A. Hình chiếu đứng. B. Hình chiếu cạnh.
C. Hình chiếu bằng. D. Đáp án khác.

Câu 21: Hình chiếu từ trái được gọi là:

A. Hình chiếu cạnh. B. Hình chiếu đứng.
C. Hình chiếu bằng. D. Đáp án khác.

Câu 22: Điền từ thích hợp vào chỗ chấm:

Phương pháp hình chiếu vuông góc (HCVG) là phương pháp các hình chiếu vuông góc trên cùng một Các HCVG là hình biểu diễn, do vậy để thể hiện được đầy đủ hình dạng của vật thể, trên bản vẽ kỹ thuật thường sử dụng nhiều hình chiếu.

A. biểu diễn / mặt phẳng / hai chiều. B. mặt phẳng / hai chiều / biểu diễn.
C. biểu diễn / hai chiều / mặt phẳng. D. mặt phẳng / biểu diễn / hai chiều.

Tuần 17.18 Tiết 34..36

Chương 2: Vẽ kỹ thuật

ÔN TẬP – KIỂM TRA HỌC KÌ 1